

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BÌNH CHÁNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 498/2025/DS-ST
Ngày: 13/6/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Huy Hoàng.
Bà Nguyễn Thị Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Phương Đại- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 230/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 394/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 382/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty T1 (Việt Nam);**

Trụ sở chính: 91 P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo uỷ quyền: **Công ty L** (Giấy uỷ quyền số 06/2024/GUQ-MAFC ngày 02/4/2024).

Đại diện theo uỷ quyền lại của Công ty L Niềm Tin: Ông **Nguyễn Phạm Thành N** (Giấy uỷ quyền ngày 01/7/2024).

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 2003;

Địa chỉ cư trú: E ấp A (ấp E cũ) xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) có đại diện theo uỷ quyền là ông

Nguyễn Phạm Thành N trình bày:

Ngày 02/02/2024, Công ty T1 (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng tín dụng số 5289941 về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thanh T với khoản vay trị giá 20.355.300 đồng, lãi suất 50%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng cho bà Nguyễn Thanh T, số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của bà T. Theo hợp đồng, bà T có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng với số tiền là 2.061.600 đồng trong kỳ hạn 18 tháng, kể từ ngày 01/03/2024 đến ngày 01/08/2025 cho Công ty.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay bà T chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty được 3 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 3.227.887 đồng. Ngày 23/08/2024 đến nay bà T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Công ty.

Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu Ông/bà Nguyễn Thanh T thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng. Đồng thời, Công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho bà T biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng cho phía Công ty nên Công ty đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T thanh toán cho Công ty T2 số tiền tạm tính đến ngày 13/6/2025 là: 33.016.638 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 20.355.300 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 7.122.994 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn: 5.114.833 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 423.511 đồng.

Đồng thời bà T phải có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 14/6/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay nói trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh T mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Nguyễn Thanh T. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Căn cứ kết quả xác minh của Công an xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn có cư trú tại địa chỉ E ấp A (ấp E cũ) xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Ông Nguyễn Phạm Thành N là đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông N, bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà T đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa các bên được thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty T1 (Việt Nam) và Giấy phép số 73/GP-NHNN ngày 12/11/2021 của Ngân hàng N1 về việc thành lập và hoạt động Công ty T1 (Việt Nam) thì Công ty T1 (Việt Nam) là tổ chức tín dụng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Qua xem xét Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 5289941 ngày 02/02/2024 giữa nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) và bị đơn bà Nguyễn Thanh T, trong đó thỏa thuận việc cấp tín dụng cho bà T là phù hợp theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc ký kết giữa hai bên được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định pháp luật nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch, qua đó để xác định bà B có quan hệ tín dụng với Công ty T1 (Việt Nam).

Căn cứ Bản tóm tắt sao kê, lịch sử thanh toán và lời khai của nguyên đơn có cơ sở xác định tính đến ngày 13/6/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn với tổng số tiền là 33.016.638 đồng chưa thanh toán. Việc bị đơn không thanh toán theo thỏa thuận cho nguyên đơn là đã vi phạm điều khoản thanh toán của Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 5289941 ngày 02/02/2024. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nêu trên là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.2] Về lãi suất phát sinh: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi suất phát sinh trong quá trình trả nợ được tính tiếp theo từ ngày 14/6/2025 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 5289941 ngày 02/02/2024 mà các bên đã ký kết, phù hợp với Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 (Việt Nam) đối với bà Nguyễn Thanh T.

Buộc bà Nguyễn Thanh T có trách nhiệm trả cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền 33.016.638 đồng (Ba mươi ba triệu không trăm mười sáu nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 5289941 ngày 02/02/2024 giữa Công ty T1 (Việt Nam) và bà Nguyễn Thanh T cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 5289941 ngày 02/02/2024, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho tổ chức cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức cho vay.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thanh T chịu 1.650.832 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn tám trăm ba mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho Công ty T1 (Việt Nam) 605.553 đồng (Sáu trăm lẻ năm nghìn năm trăm năm mươi ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0052134 ngày 24/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

Nguyễn Thị Ngọc Châu